

Lạc Đạo, ngày 31 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024

(Ban hành kèm theo quyết định số 218/QĐ-LD ngày 31/8/2023 của Trường Tiểu học Lạc Đạo)

I - Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Quyết định số 16/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông – cấp Tiểu học;
- Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;
- Công văn số 460/PGDĐT- GDTH ngày 08/09/2021 của Phòng GD&ĐT Văn Lâm về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng với chương trình GDPT 2018;
- Hướng dẫn số 03/HD-PGDĐT ngày 28/07/2021 hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với cấp Tiểu học;
- Hướng dẫn số 766/HD-PGDĐT ngày 23/8/2023 của Phòng GD&ĐT Văn Lâm về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023 - 2024.

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2023 -2024

1- Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương.

1.1 - Thời cơ: Lạc Đạo là xã có truyền thống hiếu học, hàng năm nhiều học sinh đỗ vào các trường Đại học, tỉ lệ học sinh đỗ vào trường chất lượng cao Dương Phúc Tư so với các trường trong huyện cao. Công tác khuyến học, khuyến tài được duy trì và hoạt động tích cực, Hội khuyến học của xã hàng năm đã gặp mặt tuyên dương các em đỗ Đại học với số điểm cao. Đặc biệt xã Lạc Đạo còn có Trạng nguyên Dương Phúc Tư (1505 – 1563), là người khai khoa cho dòng họ Dương xã Lạc Đạo (Văn Lâm). Các năm dòng họ đều tổ chức họp và trao thưởng cho con cháu đỗ đạt. Các buổi vinh danh, khen thưởng cho con cháu có thành tích cao trong học tập trở thành ngày hội của dòng họ, để con cháu đời sau thêm tự hào và viết tiếp truyền thống

khoa bảng của tổ tiên.

Phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao trong xã được phát triển. Các thôn đều có khu vui chơi giải trí, nhiều câu lạc bộ thể thao được thành lập như câu lạc bộ bóng chuyền hơi (Thôn Ngọc, Hùng Trì), câu lạc bộ cờ tướng, câu lạc bộ sách báo thơ ca (thôn Cầu), hát chèo (Đoan Khê),...

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát và trực tiếp của Phòng GD&ĐT Văn Lâm, sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền, ban ngành đoàn thể tại địa phương và nhất là sự quan tâm, ủng hộ nhiệt tình của Ban đại diện CMHS trường, lớp.

1.2. Thách thức:

Địa bàn dân cư rộng, trường có 2 điểm trường khó khăn trong việc tổ chức quản lý các hoạt động giáo dục tập thể, trình độ dân trí không đồng đều, một bộ phận phụ huynh học sinh chưa quan tâm nhiều đến giáo dục.

Với thực tiễn địa phương, đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục, để thực hiện thành công chương trình 2018 đòi hỏi tính chủ động, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên ngày càng cao.

2- Đặc điểm tình hình của nhà trường năm học 2023 -2024

2.1 -Điểm mạnh, thuận lợi của nhà trường

- Đội ngũ giáo viên của nhà trường: trình độ chuyên môn đạt chuẩn (theo Luật Giáo dục 2019) tỉ lệ tương đối cao. Nhà trường có giáo viên dạy các bộ môn: Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, giáo viên đều có trách nhiệm với công việc. Giáo viên dạy môn Tin học được bồi dưỡng kịp thời đáp ứng với Chương trình GDPT 2018.

- Khuôn viên nhà trường “sạch - an toàn - thân thiện”. Các phòng học có đầy đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cho việc dạy - học;

- Chế độ chính sách của giáo viên và học sinh được chi trả kịp thời đầy đủ.

- Phụ huynh học sinh phối hợp với nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi trong việc huy động học sinh ra lớp, luôn quan tâm tạo điều kiện, đầu tư cho việc học tập của các em; học sinh ngoan và có ý thức rèn luyện, thi đua trong học tập.

- Trường nằm ở vị trí trung tâm xã, có 02 cơ sở rất thuận lợi cho học sinh đến trường.

2.2 - Điểm yếu, hạn chế

- Năng lực chuyên môn của giáo viên chưa đồng đều, việc đổi mới phương pháp dạy học chưa rõ nét. Tính chủ động, khả năng sáng tạo của một số cán bộ, giáo viên còn hạn chế.

- Nhận thức của học sinh chưa đồng đều, một số em còn gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; trí não chậm phát triển, kỹ năng sống, giao tiếp Tiếng Việt còn hạn chế.

- Một số phụ huynh còn tư tưởng trông chờ ỷ lại giáo viên và nhà trường, thường xuyên đi làm ăn xa để con ở nhà cho ông bà nên công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa hiệu quả.

- Ngân sách nhà nước cấp mới chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu chi hoạt động chuyên môn; công tác xã hội hóa có nhiều chuyển biến tích cực song chưa đáp ứng được nhu cầu trang bị các thiết bị hỗ trợ dạy học hiện nay.

- Nhiều phòng học, phòng chức năng chưa đảm bảo theo quy định (đã xuống cấp), diện tích sân chơi bãi tập chật hẹp.

- Diện tích khuôn viên, cơ sở vật chất nhà trường chưa đáp ứng theo yêu cầu giáo dục nên có ảnh hưởng ít nhiều đến công tác đổi mới, hoạt động dạy và học trong nhà trường đặc biệt khó khăn khi tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể cho học sinh toàn trường.

2.3. Đặc điểm cụ thể

a, Đặc điểm về học sinh:

| Stt | Khối lớp | Số lớp | Số học sinh | | Ghi chú |
|--------------------|----------|-----------|-------------|------------|---------|
| | | | Tổng số | Nữ | |
| 1 | I | 7 | 303 | 135 | |
| 2 | II | 8 | 313 | 144 | |
| 3 | III | 8 | 337 | 149 | |
| 4 | IV | 8 | 342 | 142 | |
| 5 | V | 8 | 333 | 158 | |
| Toàn trường | | 39 | 1628 | 728 | |

- Số học sinh học 2 buổi/ngày : 1628 học sinh

- Số học sinh khuyết tật: 11 học sinh

- Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 40 học sinh

- Học sinh dân tộc: 10 học sinh
- Số học sinh bán trú: Dự kiến 800 học sinh
- Trình độ học sinh : Phần lớn các em học sinh đều ngoan, có phẩm chất đạo đức tốt, nỗ lực trong học tập và rèn luyện, tích cực tham gia các hoạt động nhà trường.
- Nhu cầu học tập: Học sinh có nhu cầu về kiến thức, kỹ năng mà chương trình mang lại cho các em. Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kỹ năng cơ bản thiết thực, hiện đại; hài hòa về đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống.
- Động cơ và thái độ học tập: 100% học sinh có động cơ học tập đúng đắn, thái độ học tập tích cực: Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để khẳng định mình.
- Cách thức học và các điều kiện học tập: Các em được tôi luyện cách tự học, tự nghiên cứu, thảo luận, chia sẻ trong nhóm và trước lớp. Điều kiện học tập: trong lớp hoặc ngoài lớp.

b, Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

- Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 58 (cán bộ quản lý: 3, giáo viên: 52, nhân viên: 3). Trong đó:
 - + Trình độ đào tạo: Thạc sỹ: $1/58 = 1,5\%$; Đại học: $40/58 = 70 \%$; Cao đẳng: $13/58 = 22 \%$; Trung cấp: $4/58 = 6,5\%$.
 - + Loại hình đào tạo giáo viên: giáo viên văn hóa: 45 trong đó 1 giáo viên dạy Tin học (đã được đi học bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ), giáo viên Tiếng Anh: 2 , giáo viên Âm nhạc: 1, giáo viên Mỹ thuật: 3, giáo viên Tổng phụ trách: 1;
- Trường là một tập thể đoàn kết, các đồng chí đều nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, luôn phấn đấu để nhà trường phát triển. Chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của giáo viên đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.
- cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành tốt kỷ luật lao động, quy chế chuyên môn. Nhiều đồng chí năng động, sáng tạo có tinh thần chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, có ý thức đổi mới phương pháp giảng dạy theo sự phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

c. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường.

- Phòng học văn hóa: 43 phòng học/ 43 lớp, 2 phòng Tin học, 2 phòng Tiếng anh,

- Phòng thư viện, đồ dùng: 2 phòng
- Phòng y tế : 2 phòng.
- 100% các phòng học có đủ bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng chống lóa máy chiếu, tủ sách, tủ truyện và được trang trí đẹp.
- Hệ thống đèn điện chiếu sáng và quạt mát các phòng đảm bảo đầy đủ. Đa số các phòng có máy điều hoà nhiệt độ giúp cho học sinh học tập tốt.
- Có đủ nước sạch dùng cho giáo viên và học sinh.
- Phòng thư viện có đủ các loại sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cần thiết phục vụ cho công tác giảng dạy. Phòng thiết bị về cơ bản có đủ thiết bị cần cho giảng dạy, tuy nhiên có một số loại thiết bị có chất lượng kém do đã được trang bị và sử dụng lâu năm.

III - Mục tiêu giáo dục năm học 2023 -2024

1- Mục tiêu chung

- Năm học 2023 – 2024 tiếp tục công tác tuyên truyền để quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục, tích cực đưa ra các giải pháp để hoàn thành tốt Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4 và thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu theo Chương trình GDPT 2006 đối với lớp 5.
- Xây dựng trường học theo mô hình tiên tiến, hiện đại, duy trì hoạt động xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, trường học theo mô hình “ Trường học hạnh phúc.”
- Giáo viên chủ động trong việc điều chỉnh, bổ sung nội dung giảng dạy phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.
- Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành.
- Tăng cường an ninh, an toàn trường học, tích cực phòng/chống xâm hại và bạo lực học đường; chú trọng xây dựng văn hóa học đường trong môi trường giáo dục văn hóa công sở.
- Sử dụng các hình thức tổ chức dạy học: dạy học trên lớp, dạy học theo các chủ đề/chuyên đề, dạy học trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.
- Tổ chức dạy học 9 buổi/tuần đối các khối lớp.
- Tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục tăng cường, mở rộng theo hướng phân hóa và nhu cầu của học sinh.

- Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

- 100% các môn học/HĐGD được xây dựng và dạy theo phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2- Mục tiêu cụ thể

- Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu như yêu đất nước, yêu con người; chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh;

- Hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi (năng lực chung cho tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển năng lực tự chủ, tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo...) và năng lực đặc biệt (năng khiếu) của học sinh.

- Bảo đảm tất cả giáo viên của trường được triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, nội dung hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chương trình giáo dục 2006; hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo hướng dẫn của các cấp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức giáo dục học sinh: giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường, đưa giáo dục STEM vào dạy học ở các khối lớp học nhằm phát triển toàn diện cho học sinh đồng thời tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến, hiện đại.

Chất lượng giáo dục cuối năm học:

**** Phẩm chất:***

| Khối lớp | Số | HS KTHN | Yêu nước | | | Nhân ái | | | Chăm chỉ | | | Trung thực | | | Trách nhiệm | | |
|-------------|-------------|----------|-------------|------------|----------|-------------|------------|----------|------------|------------|----------|------------|------------|----------|-------------|------------|----------|
| | | | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG |
| 1 | 303 | 0 | 247 | 56 | 0 | 247 | 56 | 0 | 210 | 93 | 0 | 210 | 93 | 0 | 210 | 93 | 0 |
| 2 | 313 | 1 | 264 | 48 | 1 | 264 | 48 | 1 | 214 | 97 | 2 | 250 | 62 | 1 | 218 | 94 | 1 |
| 3 | 337 | 5 | 282 | 50 | 5 | 278 | 54 | 5 | 235 | 97 | 5 | 279 | 53 | 5 | 234 | 98 | 5 |
| 4 | 342 | 0 | 278 | 64 | 0 | 281 | 61 | 0 | 212 | 129 | 1 | 258 | 84 | 0 | 225 | 117 | 0 |
| Cộng | 1295 | 6 | 1071 | 218 | 6 | 1070 | 219 | 6 | 871 | 416 | 8 | 997 | 292 | 6 | 887 | 402 | 6 |

| Khối lớp | Số | HS KTHN | Chăm học, chăm làm | | | Tự tin, trách nhiệm | | | Trung thực, kỷ luật | | | Đoàn kết, yêu thương | | |
|-------------|------------|----------|--------------------|------------|----------|---------------------|------------|----------|---------------------|-----------|----------|----------------------|-----------|----------|
| | | | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG |
| 5 | 333 | 5 | 196 | 137 | 0 | 223 | 110 | 0 | 261 | 72 | 0 | 285 | 48 | 0 |
| Cộng | 333 | 5 | 196 | 137 | 0 | 223 | 110 | 0 | 261 | 72 | 0 | 285 | 48 | 0 |

*** Năng lực:**

Khối lớp 1,2,3,4:

- Năng lực chung:

| Khối lớp | Số | HS KTHN | Tự chủ và tự học | | | Giao tiếp và hợp tác | | | Giải quyết vấn đề và sáng tạo | | |
|-------------|-------------|----------|------------------|------------|----------|----------------------|------------|----------|-------------------------------|------------|----------|
| | | | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG |
| 1 | 303 | 0 | 210 | 93 | 0 | 243 | 60 | 0 | 210 | 93 | 0 |
| 2 | 313 | 1 | 224 | 86 | 3 | 224 | 88 | 1 | 200 | 110 | 3 |
| 3 | 337 | 5 | 232 | 100 | 5 | 232 | 100 | 5 | 205 | 127 | 5 |
| 4 | 342 | 0 | 220 | 121 | 1 | 219 | 122 | 1 | 187 | 154 | 1 |
| Cộng | 1295 | 6 | 886 | 400 | 9 | 918 | 370 | 7 | 802 | 484 | 9 |

- Năng lực đặc thù:

| Khối lớp | Số | HS KTHN | Tinh toán | | | Ngôn ngữ | | | Khoa học | | | Thẩm mỹ | | | Thể chất | | |
|----------|-----|---------|-----------|-----|-----|----------|-----|-----|----------|-----|-----|---------|-----|-----|----------|-----|-----|
| | | | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG |
| 1 | 303 | 0 | 243 | 60 | 0 | 210 | 93 | 0 | 210 | 93 | 0 | 210 | 93 | 0 | 210 | 93 | 0 |
| 2 | 313 | 1 | 208 | 102 | 3 | 204 | 106 | 3 | 210 | 102 | 1 | 220 | 92 | 1 | 225 | 87 | 1 |
| 3 | 337 | 5 | 228 | 104 | 5 | 226 | 106 | 5 | 221 | 111 | 5 | 240 | 92 | 5 | 244 | 88 | 5 |
| 4 | 342 | 0 | 220 | 122 | 0 | 201 | 141 | 0 | 206 | 136 | 0 | 213 | 129 | 0 | 224 | 118 | 0 |

| Khối lớp | Tổng số HS | HS khuyết tật | Năng lực Tin học | | | Năng lực Công nghệ | | |
|-----------|------------|---------------|------------------|------------|----------|--------------------|------------|----------|
| | | | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG |
| 3 | 337 | 5 | 182 | 150 | 5 | 195 | 137 | 5 |
| 4 | 342 | 0 | 185 | 157 | 0 | 193 | 149 | 0 |
| TS | 679 | 5 | 367 | 307 | 5 | 388 | 286 | 5 |

Khối 5:

| Khối lớp | Tổng số học sinh | HS KTHN | Tự phục vụ, tự quản | | | Hợp tác | | | Tự học, GQVĐ | | |
|-------------|------------------|----------|---------------------|-----------|----------|------------|------------|----------|--------------|------------|----------|
| | | | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG |
| 5 | 333 | 5 | 235 | 98 | 0 | 209 | 124 | 0 | 175 | 158 | 0 |
| Cộng | 333 | 5 | 235 | 98 | 0 | 209 | 124 | 0 | 175 | 158 | 0 |

***Kết quả các môn học/ HĐGD:**

| Khối lớp | Số HS | HS KTHN | Tiếng Việt | | | Toán | | | Khoa học 4,5(TNXH 1,2,3) | | | Ngoại ngữ | | | Đạo đức | | | Âm nhạc | | |
|-------------|-------------|-----------|------------|------------|-----------|------------|------------|-----------|---------------------------|------------|----------|------------|------------|----------|-------------|------------|----------|------------|------------|----------|
| | | | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT |
| 1 | 303 | 0 | 152 | 143 | 8 | 173 | 122 | 8 | 209 | 94 | 0 | | | | 209 | 94 | | 195 | 108 | |
| 2 | 313 | 1 | 197 | 113 | 2 | 213 | 97 | 2 | 209 | 103 | 0 | | | | 210 | 102 | 0 | 206 | 106 | 0 |
| 3 | 337 | 5 | 197 | 135 | 0 | 206 | 126 | 0 | 209 | 123 | 0 | 163 | 169 | 0 | 210 | 122 | 0 | 203 | 129 | 0 |
| 4 | 342 | 0 | 176 | 165 | 1 | 198 | 143 | 1 | 188 | 153 | 1 | 159 | 182 | 1 | 188 | 153 | 1 | 184 | 158 | 0 |
| 5 | 333 | 5 | 164 | 164 | 0 | 180 | 148 | 0 | 189 | 139 | 0 | | | | 203 | 125 | 0 | 179 | 149 | 0 |
| Cộng | 1628 | 11 | 886 | 720 | 11 | 970 | 636 | 11 | 1004 | 612 | 1 | 322 | 351 | 1 | 1020 | 596 | 1 | 967 | 650 | 0 |

| Khối lớp | Số HS | HS KTHN | Mỹ thuật | | | Tin học | | | Công nghệ 3,4 (KThuật 5) | | | GDTC | | | HĐTN | | | LS-ĐL | | |
|-------------|-------------|-----------|-------------|------------|----------|------------|------------|----------|--------------------------|------------|----------|-------------|------------|----------|------------|------------|----------|------------|------------|----------|
| | | | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT |
| 1 | 303 | 0 | 188 | 115 | | | | | | | | 209 | 94 | 0 | 209 | 94 | 0 | | | |
| 2 | 313 | 1 | 239 | 73 | 0 | | | | | | | 219 | 93 | 0 | 213 | 99 | 0 | | | |
| 3 | 337 | 5 | 240 | 92 | 0 | 172 | 160 | 0 | 182 | 150 | 0 | 224 | 108 | 0 | 219 | 113 | 0 | | | |
| 4 | 342 | 0 | 223 | 119 | 0 | 171 | 170 | 1 | 177 | 164 | 1 | 208 | 133 | 1 | 186 | 155 | 1 | 170 | 171 | 1 |
| 5 | 333 | 5 | 225 | 103 | 0 | | | | 199 | 129 | 0 | 190 | 138 | 0 | | | | 172 | 156 | 0 |
| Cộng | 1628 | 11 | 1115 | 502 | 0 | 343 | 330 | 1 | 558 | 443 | 1 | 1050 | 566 | 1 | 827 | 641 | 1 | 342 | 327 | 1 |

*** Kết quả hoàn thành chương trình lớp học và khen thưởng**

| Khối lớp | Số HS tham gia đánh giá | Nữ | HTCT lớp học | | Chưa HTCT lớp học | | Khen thưởng | | Số HS KTHN không tham gia đánh giá |
|-------------|-------------------------|------------|--------------|-------------|-------------------|------------|-------------|-------------|------------------------------------|
| | | | SL | % | SL | % | SL | % | |
| 1 | 303 | 135 | 295 | 97,3 | 8 | 2,7 | 136 | 45 | |
| 2 | 312 | 144 | 310 | 99 | 2 | 1 | 145 | 46 | 1 |
| 3 | 332 | 149 | 332 | 100 | 0 | 0 | 151 | 44,8 | 5 |
| 4 | 342 | 142 | 341 | 99,7 | 1 | 0,3 | 127 | 37 | 0 |
| 5 | 328 | 158 | 328 | 100 | 0 | 0 | 146 | 44,5 | 5 |
| Tổng | 1617 | 728 | 1606 | 99,3 | 11 | 0,7 | 705 | 43,5 | 11 |

IV- Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1- Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

(Phụ lục 1,1 đính kèm)

2-Các hoạt động giáo dục tập thể và hoạt động theo nhu cầu người học

(Phụ lục 1.2; 1.3 đính kèm)

3- Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 -2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.

- Ngày tựu trường: Khối lớp 1: ngày 22/08/2023; Khối lớp 2,3,4,5 ngày 29/08/2023

- Ngày khai giảng: ngày 05/09/2023

- Học kì I: Bắt đầu từ ngày 06/9/2023, kết thúc ngày 13/01/2024.

- Học kì II: Bắt đầu từ ngày 15/01/2024, hoàn thành chương trình giáo dục ngày 24/5/2024

- Lịch sinh hoạt chuyên môn của các tổ vào chiều thứ năm hàng tuần. Cụ thể:

+ Tuần chẵn: tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề hoặc theo nghiên cứu bài học.

+ Tuần lẻ: tổ chức chuyên đề, hội thảo thống nhất nội dung bài dạy.

- Kế hoạch dạy bù các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết; Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục theo tuần trong năm học (theo phụ lục 1.4)

- Kế hoạch dạy-học trực tuyến (nếu có): Thực hiện theo sự chỉ đạo của cấp trên ứng với thời điểm cụ thể.

- Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của các khối lớp (Phụ lục 2 đính kèm).

V. Giải pháp thực hiện

1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu với UBND xã kịp thời tu sửa cơ sở vật chất cho nhà trường; đặc biệt là xây thêm các phòng chức năng cho nhà trường để đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tăng cường đầu tư thiết bị, tài liệu dạy học đảm bảo đầy đủ cho việc dạy các môn học, hoạt động giáo dục hiệu quả.

- Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng, sưu tầm các hình ảnh, tư liệu trên các trang điện tử để bổ sung cho các tiết học sinh động, hấp dẫn học sinh.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học, sử dụng triệt để các thiết bị, đồ dùng sẵn có vào trong các hoạt động dạy học. Khai thác, sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học một cách hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc sử dụng thiết bị dạy học.

- Khuyến khích giáo viên có ý thức ứng dụng CNTT để đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng phần mềm dạy học vào trong dạy học.

- Huy động các nguồn lực của tập thể, cá nhân và làm tốt công tác xã hội hóa để bổ sung thêm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho nhà trường .

- Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn cha mẹ học sinh, học sinh cách sử dụng sách giáo khoa, vở bài tập, sách tham khảo hiệu quả nhất, sử dụng có hiệu quả sách và tài liệu trong thư viện nhà trường.

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ làm công tác Thiết bị- Đồ dùng

2. Công tác đội ngũ

- Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên đi học nâng chuẩn đáp ứng yêu cầu quy định của Luật giáo dục 2019.

- Tạo điều kiện cho 100% giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm theo quy định.

- Giáo viên tích cực “Tự học, tự bồi dưỡng” chuyên môn; tìm hiểu qua các tài liệu, tư liệu dạy học trên hành trang số; tích cực dự giờ đồng nghiệp.

- Phân công lao động phù hợp với năng lực chuyên môn, giáo viên đảm bảo chế độ làm việc theo quy định.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Hàng tuần các tổ sinh hoạt chuyên môn để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch dạy học. Đảm bảo họp tổ định kỳ 2 lần/ tháng.

- Giáo viên tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt cụm, sinh hoạt liên trường các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng anh, Tin học và các lớp tập huấn của các cấp tổ chức. Liên kết, hợp tác với Trường Tiểu học-THCS-THPT Vinschool Ocean Park để trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị nhà trường và trong giáo dục học sinh.

- Sinh hoạt chuyên môn đảm bảo hiệu quả theo hướng đổi mới, tổ chức sinh hoạt chuyên môn nghiên cứu bài học.

4. Thực hiện Chương trình, sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá học sinh.

- Xây dựng thời khóa biểu, bố trí thời gian thời gian thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và đối tượng học sinh.

- Thực hiện dạy học các môn học/hoạt động giáo dục đảm bảo yêu cầu trong chương trình GDPT 2018 (đối với khối lớp 1,2,3,4); khối lớp 5 theo chuẩn kiến thức, kĩ năng và theo sự phát triển phẩm chất, năng lực học sinh nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới Chương trình GDPT (không chồng chéo, trùng lặp nội dung trong các môn học/ hoạt động giáo dục).

- Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức triển khai Chương trình Tiếng anh tự chọn đối với khối lớp 1,2,5.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục củng cố tăng cường cho học sinh, quản lý học sinh sau giờ học chính thức theo nhu cầu tự nguyện của người học và cha mẹ học sinh.

- Thực hiện nội dung giáo dục địa phương, nội dung giáo dục ATGT được tích hợp, lồng ghép phù hợp trong các môn học và hoạt động giáo dục.

- Thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo sự phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tăng cường rèn luyện kĩ năng cho học sinh, tổ chức thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống. Tiếp tục triển khai áp dụng

các mô hình, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như: Mô hình trường học mới toàn phần đối với khối lớp 5.

- Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá học sinh đảm bảo đánh giá thực chất, đúng quy định.

VI. Tổ chức thực hiện

1- Hiệu trưởng

- Ban hành và quyết định bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường trên cơ sở đề nghị của các tổ chuyên môn.

- Ký hợp đồng liên kết với các tổ chức giáo dục, các đơn vị đủ năng lực tham gia công tác giáo dục trong nhà trường.

- Tổ chức triển khai, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

1.2 - Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn dạy-học

- Phối hợp với Phó hiệu trưởng phụ trách lao động, cơ sở vật chất để quản lý chỉ đạo các hoạt động thư viện, thiết bị để phục vụ tốt công tác thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Trực tiếp chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tham mưu với Hiệu trưởng để xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng đổi mới hình thức sinh hoạt (hội thảo, chuyên đề...) và sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

- Tham mưu với Hiệu trưởng để ban hành kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường: tháng, học kỳ, năm học (thường xuyên, đột xuất).

- Duyệt, kiểm tra kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy của giáo viên 1 lần/tháng.

1.3 - Phó Hiệu trưởng phụ trách lao động, cơ sở vật chất

- Trực tiếp quản lý chỉ đạo các hoạt động thư viện, thiết bị để phục vụ tốt công tác thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Phối hợp với Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn dạy-học để tham mưu với Hiệu trưởng để xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tham mưu với Hiệu trưởng để ban hành kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc quản lý, sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường: tháng, học kỳ, năm học (thường xuyên, đột xuất).

1.4 - Tổ chuyên môn

- Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường: Tổ chuyên môn thống nhất những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung (nếu có) để đề xuất Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung.

- Tham gia kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo kế hoạch kiểm tra, đánh giá: tháng, học kỳ, năm học do Hiệu trưởng ban hành (thường xuyên, đột xuất) .

- Tổ chức tổ sinh hoạt chuyên môn ít nhất 2 lần/ tháng: sinh hoạt chuyên môn theo hướng đổi mới hình thức sinh hoạt (hội thảo, chuyên đề...) và sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

- Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên trong tổ lập kế hoạch dạy học cá nhân đảm bảo bám sát kế hoạch giáo dục nhà trường và thời khóa biểu của từng lớp học.

- Duyệt kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy của giáo viên trong tổ 1 lần/tuần.

1.5 - Giáo viên

- Xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân đảm bảo bám sát kế hoạch giáo dục nhà trường và thời khóa biểu của lớp tham gia giảng dạy.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy theo kế hoạch dạy-học (hoàn thành trước 3 ngày thực hiện).

- Thực hiện các hoạt động dạy-học, giáo dục theo kế hoạch đã được tổ chuyên môn, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phê duyệt.

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn do tổ chuyên môn tổ chức; các buổi sinh hoạt chuyên môn cụm, sinh hoạt chuyên môn liên trường (trong và ngoài huyện, tỉnh).

- Tích cực tự bồi dưỡng, tham gia bồi dưỡng năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm.

1.6 - Tổng phụ trách Đội

- Tham mưu với các Phó hiệu trưởng để xây dựng chi tiết kế hoạch triển khai các nội dung giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Phối hợp với các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Thống nhất với các tổ chuyên môn về nội dung các tiết HĐTN (tiết chào cờ) tổ chức tốt các giờ chào cờ đầu tuần.

- Trực tiếp quản lý, điều hành: Hội đồng tự quản cấp trường; đội Sao đỏ; đội nghi thức...

- Tham mưu với Hiệu trưởng để xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá công tác thực hiện nội quy học sinh, quy định nề nếp, công tác thực hiện hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: tháng, học kỳ, năm (thường xuyên, đột xuất).

1.7- Nhân viên

- Phối hợp với các giáo viên, tổng phụ trách để thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tham mưu với các Phó hiệu trưởng để xây dựng chi tiết kế hoạch triển khai các nội dung giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường của Trường Tiểu học Lạc Đạo năm học 2023 - 2024. Yêu cầu toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường, các tổ chuyên môn nghiêm túc thực hiện đạt hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc; có nội dung cần bổ sung, điều chỉnh ... phản ánh về Hiệu trưởng để xem xét quyết định./.

Nơi nhận :

- PGD&ĐT: để báo cáo
- BGH: để chỉ đạo;
- Tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên: để thực hiện
- Lưu: Thư viện, văn thư.

